

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ TRẤN NAM PHƯỚC

DANH MỤC  
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI  
QUYẾT CỦA UBND THỊ TRẤN NAM PHƯỚC: 101**

| STT | Lĩnh vực                               | Số lượng TTHC |
|-----|----------------------------------------|---------------|
| 1   | <b>TƯ PHÁP</b>                         | <b>37</b>     |
| 2   | <b>LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b> | <b>18</b>     |
| 3   | <b>ĐỊA CHÍNH</b>                       | <b>02</b>     |
| 4   | <b>GIÁO DỤC</b>                        | <b>05</b>     |
| 5   | <b>THANH TRA</b>                       | <b>07</b>     |
| 6   | <b>VĂN HÓA – XÃ HỘI</b>                | <b>22</b>     |
| 7   | <b>NÔNG NGHIỆP</b>                     | <b>07</b>     |
| 8   | <b>TÀI CHÍNH</b>                       | <b>03</b>     |
| 9   | <b>QUÂN SỰ</b>                         | <b>14</b>     |

**LĨNH VỰC TƯ PHÁP**

| STT | Tên Thủ tục hành chính                                                  | Mức độ |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1   | <i>Thủ tục Đăng ký giám hộ</i>                                          |        |
| 2   | <i>Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ</i>                                 |        |
| 3   | <i>Thủ tục Đăng ký khai sinh</i>                                        |        |
| 4   | <i>Thủ tục Đăng ký khai sinh lưu động</i>                               |        |
| 5   | <i>Thủ tục Đăng ký lại khai sinh</i>                                    |        |
| 6   | <i>Thủ tục Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân</i> |        |
| 7   | <i>Thủ tục Đăng ký khai tử</i>                                          |        |
| 8   | <i>Thủ tục Đăng ký khai tử lưu động</i>                                 |        |
| 9   | <i>Thủ tục Đăng ký lại khai tử</i>                                      |        |
| 10  | <i>Thủ tục Đăng ký kết hôn</i>                                          |        |
| 11  | <i>Thủ tục Đăng ký kết hôn lưu động</i>                                 |        |
| 12  | <i>Thủ tục Đăng ký lại kết hôn</i>                                      |        |
| 13  | <i>Thủ tục Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân</i>                    |        |
| 14  | <i>Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con</i>                                |        |
| 15  | <i>Thủ tục Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch</i>                     |        |

|    |                                                                                                                 |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 16 | <i>Thủ tục Cấp bản sao trích lục hộ tịch</i>                                                                    |  |
| 17 | <i>Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con</i>                                                      |  |
| 18 | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước                                                                           |  |
| 19 | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước                                                                       |  |
| 20 | Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại        |  |
| 21 | Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở            |  |
| 22 | Thủ tục chứng thực di chúc                                                                                      |  |
| 23 | Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản                                                                  |  |
| 24 | Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở          |  |
| 25 | Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                     |  |
| 26 | Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc |  |

|    |                                                                                                                                                                                   |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    | chứng nhận                                                                                                                                                                        |  |
| 27 | Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được) |  |
| 28 | Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch                                                                                                               |  |
| 29 | Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch                                                                                                                                 |  |
| 30 | Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực                                                                                             |  |
| 31 | Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật                                                                                                                                     |  |
| 32 | Thủ tục miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật                                                                                                                                    |  |
| 33 | Thủ tục công nhận hòa giải viên                                                                                                                                                   |  |
| 34 | Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải                                                                                                                                           |  |
| 35 | Thủ tục thôi làm hòa giải viên                                                                                                                                                    |  |
| 36 | Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên                                                                                                                                      |  |
| 37 | <i>Thủ tục Xác nhận thông tin hộ tịch</i>                                                                                                                                         |  |

## LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

| STT | Tên Thủ tục hành chính                                                                                                                              | Mức độ |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1   | Thủ tục đổi, cấp lại giấy xác nhận khuyết tật                                                                                                       |        |
| 2   | Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật                                                                    |        |
| 3   | <i>Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm</i>                                                        |        |
| 4   | <i>Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm</i>                                                                                       |        |
| 5   | <i>Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm</i>                                                                           |        |
| 6   | <i>Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình</i>                                                   |        |
| 7   | Thủ tục đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn                                                     |        |
| 8   | Thủ tục trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở                                                                                |        |
| 9   | Thủ tục trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng                                                                                         |        |
| 10  | Thủ tục áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em                     |        |
| 11  | Thủ tục chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em                                                                                                  |        |
| 12  | Thủ tục nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em |        |
| 13  | Thủ tục thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em  |        |
| 14  | Thủ tục chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế                            |        |
| 15  | Thủ tục phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt  |        |
| 16  | Thủ tục quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại                                                                                          |        |

|    |                                                              |  |
|----|--------------------------------------------------------------|--|
|    | gia đình                                                     |  |
| 17 | <i>Thủ tục Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện</i>           |  |
| 18 | <i>Thủ tục Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công</i> |  |

### LĨNH VỰC ĐỊA CHÍNH

| STT | Tên Thủ tục hành chính                               | Mức độ |
|-----|------------------------------------------------------|--------|
| 1   | Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai                  |        |
| 2   | <i>Thủ tục tham vấn đánh giá tác động môi trường</i> |        |

### LĨNH VỰC GIÁO DỤC

| STT | Tên Thủ tục hành chính                                                                        | Mức độ |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1   | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học                         |        |
| 2   | Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập                                                      |        |
| 3   | Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại                            |        |
| 4   | Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập                                           |        |
| 5   | Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) |        |

### LĨNH VỰC THANH TRA

| STT | Tên Thủ tục hành chính                           | Mức độ |
|-----|--------------------------------------------------|--------|
| 1   | Thủ tục Tiếp công dân tại cấp xã                 |        |
| 2   | Thủ tục Xử lý đơn tại cấp xã                     |        |
| 3   | Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã  |        |
| 4   | Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã             |        |
| 5   | Thủ tục thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập |        |
| 6   | Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình             |        |
| 7   | Thủ tục thực hiện việc giải trình                |        |

### LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI

| STT | Tên Thủ tục hành chính                                                                                                       | Mức độ |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1   | Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng                                                                                         |        |
| 2   | Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng                                                                                 |        |
| 3   | Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                                                 |        |
| 4   | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã                         |        |
| 5   | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã                 |        |
| 6   | Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                |        |
| 7   | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã                                          |        |
| 8   | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác                                           |        |
| 9   | Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                     |        |
| 10  | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc |        |
| 11  | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị                                              |        |

|    |                                                                                               |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 12 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề |  |
| 13 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất                        |  |
| 14 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình.                                 |  |
| 15 | Thủ tục tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”                                                   |  |
| 16 | <i>Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm</i>                                   |  |
| 17 | <i>Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa</i>                                            |  |
| 18 | <i>Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng</i>                        |  |
| 19 | <i>Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng</i>   |  |
| 20 | <i>Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng</i>                                |  |
| 21 | <i>Thủ tục Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở</i>                                            |  |
| 22 | <i>Thủ tục Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã</i>                                                |  |

### LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

| STT | Tên Thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                     | Mức độ |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| 1   | Thủ tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa                                                                                                                                                                                                     |        |
| 2   | Thủ tục hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) |        |
| 3   | Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội                                                                                                  |        |
| 4   | Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội                                                                        |        |

|   |                                                                             |  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------|--|
| 5 | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu |  |
| 6 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh                    |  |
| 7 | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai                    |  |

### LĨNH VỰC TÀI CHÍNH

| STT | Tên Thủ tục hành chính                              | Mức độ |
|-----|-----------------------------------------------------|--------|
| 1   | Thủ tục Thông báo thành lập tổ hợp tác              |        |
| 2   | Thủ tục Thay đổi tổ hợp tác                         |        |
| 3   | Thủ tục Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác |        |

### LĨNH VỰC QUÂN SỰ

| STT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội ( <i>chủ phương tiện là cá nhân</i> )                                                                                                                         |
| 2   | Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội ( <i>chủ phương tiện là cá nhân</i> )                                                                                                                     |
| 3   | Giải quyết chế độ hưu trí hằng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/4/2000 |
| 4   | Trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết                                                                                                                                                                                                |
| 5   | Trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết.                                                                                                                                                                                     |
| 6   | Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 7   | Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 8   | Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 9   | Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập                                                                                                                                                                                                |
| 10  | Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập                                                                                                                                                                                               |

